

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 11 - 2023

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thu H, sinh năm 2000;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 18, ngõ 1, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân S, sinh năm 1998;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án tại đội 21, phân trại số 2, thuộc Trại giam H, Cục C10 Bộ Công an (Địa chỉ: Phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

** Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 1, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh S, bà D, bà H, bà M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2023, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Phạm Thu H trình bày: Chị và anh Lê Xuân S kết hôn với nhau ngày 03/12/2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau đó, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà anh S ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Anh S ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Gia đình đã khuyên bảo nhưng anh S không chịu thay đổi. Đến tháng 6/2021, do mâu thuẫn nên chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thành phố H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 4/2022, anh S vi phạm pháp luật. Sau đó, bị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh kết án 17 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và đi chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam H. Thời gian đầu, khi anh S bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, chị có đến thăm anh S, nhưng do không còn tình cảm, không nói chuyện được với nhau nên sau đó chị không đến thăm anh S nữa. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Xuân P, sinh ngày 02/01/2019 và Lê Xuân T, sinh ngày 09/3/2021. Hiện tại, cháu T đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu P, sau khi chị đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở được một thời gian thì anh S đến đón cháu P về ở cùng anh S và ông bà nội. Khi anh S bị bắt thì cháu P do bà Hoàng Thị D (mẹ anh S) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu ly hôn, quan điểm của chị là tiếp tục giao cháu P cho anh S nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Hiện tại, chị làm tự do, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng; bố mẹ chị cũng tạo điều kiện về chỗ ở để chị nuôi con. Chị đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu T. Đối với cháu P, mặc dù anh S đang chấp hành án phạt tù, nhưng vẫn được bà D chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển tốt nên chị cũng nhất trí để phía anh S tiếp tục chăm sóc cháu P và đồng ý để bà D được đại diện anh S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P trong thời gian anh S chấp hành án phạt tù. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 31/10/2023 và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Lê Xuân S trình bày thống nhất các nội dung như chị H đã trình bày về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H. Anh xác định thời gian đầu sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 26/9/2022, anh bị bắt tạm giam về hành vi “Cố ý gây thương tích” tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương thì chị H có đến thăm anh 02 lần, nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Sau khi anh bị Tòa án xét xử và đưa đi chấp hành án tại Trại giam H thì chị H không vào thăm anh lần nào. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh cũng đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Cháu T đang do chị H nuôi dưỡng. Cháu P do anh nuôi dưỡng. Khi anh bị bắt thì mẹ anh là bà Hoàng Thị D ở nhà thay anh chăm sóc cháu P. Cháu P vẫn khỏe mạnh và phát triển tốt. Nếu ly hôn, quan điểm của anh là để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, giao cháu P cho anh được nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con với nhau. Hiện tại, anh đang chấp hành án phạt tù, do vậy, anh ủy quyền cho mẹ anh là Hoàng Thị D thay mặt anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P trong thời gian anh chấp hành án. Chi phí nuôi cháu P giữa anh và mẹ anh sẽ tự giải quyết, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Hoàng Thị D - Mẹ đẻ anh S xác định: Năm 2022, sau khi anh S bị bắt đi tù thì chị H đưa cháu T về bên ngoại ở; còn cháu P thì do bà nuôi dưỡng. Nay chị H xin ly hôn anh S, quan điểm của bà là không mong muốn chị H, anh S ly hôn, nhưng chị H cứ cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Bà xác định, sau khi anh S bị bắt, cháu P được bà thay mặt anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu Tòa án giao cháu P cho anh S được nuôi dưỡng, bà đồng ý nhận sự ủy quyền của anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu P trong thời gian anh S phải chấp hành án phạt tù. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P mà để bà và anh S tự giải quyết với nhau.

- Bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị H xác định: Sau khi chị H và anh S kết hôn một thời gian thì giữa chị H và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Chị H nhiều lần tâm sự với bà về việc anh S không có quan tâm, trách nhiệm với vợ con; vợ chồng thường hay cãi nhau. Bà nhiều lần khuyên bảo hai vợ chồng suy nghĩ đến con, bỏ qua cho nhau, cùng xây dựng hạnh phúc nhưng không được. Giữa năm 2021, chị H đưa cháu T về nhà bà ở. Đến năm 2022, anh S vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tù. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh S có 02 con chung. Nếu tòa án giao con cho chị H nuôi, bà sẽ hỗ trợ chị H về chỗ ở để chị H có điều kiện chăm sóc tốt cho con.

- Bà Nguyễn Thị H là bà ngoại của anh S (nhà ở cạnh nhà anh S) xác định: Sau khi anh S bị bắt đi tù thì chị H xin về nhà mẹ đẻ ở. Chị H có đến thăm anh S được 02

lần nhưng không nói chuyện với nhau. Gần đây, chị H có nói chuyện với gia đình về việc muốn ly hôn anh S. Gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng không được. Hiện tại, chị H đang nuôi cháu T; anh S và bà D (mẹ anh S) nuôi cháu P. Sau khi anh S bị bắt thì cháu P do bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu P vẫn khỏe mạnh và phát triển tốt. Nay chị H xin ly hôn anh S và đề nghị giải quyết nuôi con, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyên vọng của các bên.

- Tại biên bản xác minh với ông Lê Ngọc M - Trưởng thôn T xác định: Năm 2022, anh S vi phạm pháp luật và đi chấp hành án phạt tù; chị H thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố Hải Dương. Mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh S ông không nắm được. Hiện tại, chị H, anh S có 02 con chung. Cháu T đang do chị H nuôi dưỡng; cháu P đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh S là ông Chiến, bà D. Hiện tại, cháu P vẫn được gia đình anh S chăm sóc tốt; cháu ngoan ngoãn và khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay chị H xin ly hôn anh S và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của thôn là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các bên.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh S, bà D vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Lê Xuân S. Về con chung: Xử giao con chung là Lê Xuân T, sinh ngày 09/3/2021 cho chị Phạm Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Lê Xuân P, sinh ngày 02/01/2019 cho anh Lê Xuân S được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh S và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chấp nhận sự ủy quyền của các đương sự về việc tạm giao con chung Lê Xuân P cho bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh Lê Xuân S phải chấp hành án phạt tù. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và

giấy triệu tập nhưng có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Xuân S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thu H khởi kiện xin ly hôn anh S và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh S kết hôn với nhau ngày 03/12/2018 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tình cảm và không quan tâm đến nhau. Từ tháng 4/2022, anh S vi phạm pháp luật, sau đó, bị Công an bắt và bị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh kết án 17 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh S không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân chị H và anh S cũng đều thống nhất quan điểm xin ly hôn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh S.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Xuân P, sinh ngày 02/01/2019 và Lê Xuân T, sinh ngày 09/3/2021. Hiện tại, cháu P đang do mẹ đẻ anh S là bà D nuôi dưỡng; Cháu T do chị H nuôi dưỡng. Các cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển tốt. Cả chị H, anh S và bà D đều có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung P cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng; Trong thời gian anh S chấp hành án phạt tù anh S ủy quyền cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Xét quan điểm của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các bên. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận việc giao con theo sự thống nhất của chị H, anh S và bà D để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, cháu T. Bà D, anh S không yêu cầu tòa án giải quyết về vấn đề chi phí nuôi cháu P, đây là ý kiến tự

nguyện của bà D, anh S nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh S, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Lê Xuân S.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Lê Xuân T, sinh ngày 09/3/2021 cho chị Phạm Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Lê Xuân P, sinh ngày 02/01/2019 cho anh Lê Xuân S được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh S và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chấp nhận sự ủy quyền của anh Lê Xuân S và bà Hoàng Thị D về việc tạm giao con chung Lê Xuân P cho bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh Lê Xuân S phải chấp hành án phạt tù.

Anh S, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh S, chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2022/0000941 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Thanh H (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang